

Bản án số: **16/2025/HS-PT**

Ngày: 10/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tôn**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Huế, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 632/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo **Trần Viết Thế S** và các bị cáo khác về tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

*** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị**

1. **Trần Viết Thế S**; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 15/01/1995, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: **Thôn I, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế**; nghề nghiệp: nguyên cán bộ **hạt kiểm lâm huyện N**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trần Viết P** và bà **Trần Thị H**; có vợ là chị **Đinh Kiều A** và 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có. Nhân thân: Ngày 06/4/2022 bị Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện N** khởi tố vụ án về tội “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 06/9/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện N** ra quyết định đình chỉ vụ án do người bị hại rút đơn yêu cầu.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2023 cho đến nay.

2. **Đặng Phương N**; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 05/10/1999 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: **Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đặng H1** và bà **Trần Thị T**; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 04/11/2021, bị **Công an xã H, huyện N** xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”;
- Ngày 21/01/2022, bị **UBND thị trấn K, huyện N** xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”;
- Ngày 04/5/2022, bị **Công an huyện N** xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2023 cho đến nay. Có mặt.

3. **Nguyễn Văn L**; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 30/3/1994, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: **Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế**; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn D** và bà **Đoàn Thị Á**; có vợ là chị **Nguyễn Thị Quỳnh G** và có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 20/2/2015, bị **Công an huyện N** xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”;
- Ngày 27/10/2015, bị **Công an huyện N** xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;
- Ngày 10/10/2022, bị **Hạt kiểm lâm huyện N** xử phạt 6.250.000 đồng về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái phép”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2023 cho đến nay. Có mặt

4. **Trần Văn Đ**; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 01/01/1995, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: **Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; dân tộc: Cơ tu; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn V** (đã chết) và bà: **Lê Thị T1**; có vợ là chị **Huỳnh Thị K** và có 02 con, sinh năm 2019 và năm 2022; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Có mặt

5. **Trần Đình V1**; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 01/01/1983, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: **Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Cơ tu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn V** (đã chết) và bà **Lê Thị T1**; có vợ là chị **A Rất Thị C** và có 01 con, sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Có mặt

* *Người bào chữa cho bị cáo **Trần Đình V1**: Bà **Nguyễn Thị S1**, Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. Có mặt*

*Người bào chữa cho bị cáo **Trần Văn Đ**: Bà **Huỳnh Thị Ngọc T2**, Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. Có mặt*

Cùng địa chỉ: **số I đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

* *Nguyên đơn dân sự: **Vườn Quốc gia B**, tỉnh Thừa Thiên Huế*.

Địa chỉ: **Khu V, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Vũ L1**, chức vụ: Giám đốc **Vườn Quốc gia B**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn T3**, chức vụ: Phó hạt Trưởng **Hạt Kiểm lâm V3** (giấy ủy quyền ngày 18/3/2024).

Nơi cư trú: **Tổ dân phố I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Có mặt

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh **Trương Hữu P1** (đồng thời là người làm chứng), sinh năm 1990; nơi cư trú: **số C đường P, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Vắng mặt

2. Chị **Đinh Kiều A**, sinh năm 1997 (vợ của bị cáo **Trần Viết Thế S**); nơi cư trú: **Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Có mặt

3. Chị **Nguyễn Thị Quỳnh G** (vợ của bị cáo **Nguyễn Văn L**), sinh năm 1999; nơi cư trú: **Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hữu T4 và Trần Viết Thế S (là cán bộ của Hạt kiểm lâm huyện N) quen nhau từ trước. Ngày 08/12/2023, T4 thỏa thuận mua của S khoảng 2m³ gỗ kiền (giá từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng/1 khối). Đến ngày 11/12/2023, S có trao đổi với T4 về việc không có tiền nên đề nghị T4 chuyển khoản trước 30 triệu đồng để thanh toán tiền mua gỗ, T4 đồng ý và chuyển vào tài khoản của S số tiền 30 triệu đồng. Đến khoảng 21 giờ ngày 11/12/2023, S cùng với Đỗ Ngọc C1 và Đặng Phương N đi trên xe ô tô của S (loại xe bán tải màu trắng, gắn biển kiểm soát 75C-091.64) đến nhà Trần Định V1 để mua gỗ kiền. S đỗ xe trước nhà V1, C1 cùng N, V1 và Trần Văn Đ (là em ruột của V1, chung bán gỗ với V1) cùng nhau bốc 20 phách gỗ kiền đưa lên xe, S trả cho Đ số tiền là 20.500.000 đồng. S trực tiếp điều khiển xe ô tô chở 20 phách gỗ cùng với C1, Nam chạy đến đoạn gần cây xăng H4 (thuộc địa phận thôn H, xã H, huyện N) đón thêm Hoàng Tiên L2. S chở cả nhóm (gồm: S, N, C1, L2) và số gỗ trên về bán cho T4 ở đường N, phường A, thành phố H.

Sau khi giao gỗ, S có nói T4 chuyển thêm tiền để S mua và giao đủ gỗ cho T4, T4 đồng ý chuyển vào tài khoản của S số tiền là 20.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bên thống nhất sẽ thanh toán sau khi chuyển đủ số lượng gỗ đã thỏa thuận. S cùng nhóm người trên chạy về lại huyện N; sau đó, S giao C1 điều khiển xe ô tô bán tải màu đen biển đăng ký là 36C- 356.04, tuy nhiên S đã gắn biển kiểm soát giả 75C-114.72 (xe ô tô của S mua ở tỉnh Thanh Hóa vào năm 2022, biển số giả đặt mua trên mạng xã hội vào năm 2022, rồi lắp sẵn vào xe ô tô dùng để vận chuyển gỗ trái phép) tiếp tục đi thu mua gỗ. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 12/12/2023, C1 lái xe trên cùng N đến nhà V1 chở 29 phách gỗ kiền kiền P còn lại, C1 trực tiếp đưa 5.000.000 đồng cho Đ, S dùng tài khoản cá nhân chuyển khoản trả cho Đ 17.800.000 đồng. Số gỗ này được C1 và N vận chuyển về để ở nhà mẹ ruột của S là Trần Thị H và xếp vào kho bên cạnh nhà. Để có đủ số gỗ bán cho T4 theo thỏa thuận, C1 và S thống nhất mua thêm của Trần Văn L3 34 phách gỗ kiền kiền P chở về để cùng với 29 phách gỗ kiền đã mua trước đó tại kho bên cạnh nhà bà H, tổng cộng hai lần là 63 phách gỗ kiền.

Khoảng 11 giờ ngày 12/12/2023, S nói với C1 tìm thuê xe ô tô để chở toàn bộ 63 phách gỗ trên về bán cho T4. Khoảng 14 giờ ngày 12/12/2023, S gọi cho T4 tạm ứng thêm khoảng 02 đến 03 triệu đồng thì T4 đồng ý và chuyển vào tài khoản của S số tiền là 03 triệu đồng. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, C1 gọi điện thoại và thuê Nguyễn Văn L điều khiển ô tô của Lãm mang biển soát 75C- 101.42 (loại xe ô tô tải thùng, trọng tải 3,5 tấn) đến nhà bà H để bốc gỗ, tại đây C1 cùng N, L bốc toàn bộ 63 phách gỗ kiền kiền P lên xe ô tô biển kiểm soát 75C-101.42. Đến khoảng 22 giờ 25 phút cùng ngày, L trực tiếp điều khiển xe ô tô trên chở C1 cùng toàn bộ 63 phách gỗ trên xuất phát từ nhà bà H đi về giao cho anh T4, còn S trực tiếp điều khiển xe ô tô Civic màu trắng biển kiểm soát 75A-024.64 (S mượn của anh Trương Hữu P1) chở N chạy trước dẫn đường. Quá trình di chuyển, C1 thấy có xe ô tô chạy phía sau, nghi bị lực lượng chức năng phát hiện nên C1 gọi điện thoại báo cho S biết. S hỏi: “*Có phải xe của Công an không?*” thì C1 trả lời: “*Không phải*” nhưng S vẫn nghi ngờ là có

xe của lực lượng chức năng đuổi theo nên yêu cầu C1 cứ điều khiển cho xe ô tô tiếp tục chạy, còn S cho xe chạy chậm để đợi xe của C1, khi thấy xe C1 điều khiển vừa đi qua ngã ba từ X đến hướng lên T, thị xã H thì S điều khiển xe ô tô nối liền theo sau với mục đích là không cho xe ô tô chạy phía sau (nghĩa của lực lượng chức năng) vượt lên và nói với C1 tiếp tục điều khiển xe ô tô chờ gỗ chạy thẳng về địa phận xã V, huyện P tìm chỗ để đưa số gỗ trên xe ô tô xuống, tránh bị phát hiện. Khoảng 23 giờ 55 phút cùng ngày, sau khi để toàn bộ 63 phách gỗ kiện kiện Phú Quốc trên xe ô tô biển kiểm soát 75C-101.42 xuống một bãi đất trống, xa khu dân cư thuộc địa phận xã V, huyện P thì cả nhóm hẹn gặp nhau tại cầu vượt T, thị xã H và cùng nhau đi ăn đêm ở thành phố H rồi quay về lại huyện N.

Khoảng 10 giờ ngày 13/12/2023, S điện thoại cho C1 dùng xe bán tải màu đen mang biển kiểm soát giả 75C-114.72 chuẩn bị tối về chờ gỗ tại xã V, huyện P để lên giao cho T4. Tại nhà mình, S tự tháo biển kiểm soát thật 75C-091.64 gắn trên xe ô tô Ford Ranger màu trắng và lắp biển số giả 75C-098.86 vào xe ô tô (Biển số giả này S đặt mua trên mạng xã hội từ năm 2022). Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, S điều khiển xe ô tô lắp biển số giả 75C-098.86 chờ theo Nguyễn Quốc H2 cùng C1, N đi từ thị trấn K, huyện N về xã X, huyện P để lấy xe bán tải màu đen lắp biển số giả 75C-114.72 (do C1 để sẵn từ trưa ngày 13/12/2023). Tại đây, N trực tiếp điều khiển xe ô tô bán tải màu đen mang số giả 75C-114.72 chờ C1 còn S trực tiếp điều khiển xe ô tô bán tải màu trắng mang biển số giả 75C-098.86 chờ H2 về nơi để 63 phách gỗ kiện kiện tại xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khi đến nơi, C1 cùng N, H2 bốc 34 phách gỗ kiện kiện P xếp lên xe bán tải màu đen. Sau đó, S điều khiển xe bán tải màu trắng chờ H2 dẫn đường cho N điều khiển xe bán tải màu đen chờ C1 theo sau đi đến xưởng mộc nhà T4. Khoảng 01 giờ 10 phút ngày 14/12/2023, cả nhóm gồm (S, C1, N, H2) đến xưởng mộc nhà T4; C1 cùng N, H2 bốc 34 phách gỗ kiện trên xe bán tải màu đen xuống để trong xưởng mộc nhà T4. Sau khi bốc gỗ xong, S lái xe bán tải màu trắng chờ C1 đi ăn ở thị trấn P, thị xã H, giao N điều khiển xe bán tải màu đen chờ H2 về xã V, huyện P bốc tiếp 29 phách gỗ kiện kiện P còn lại giao cho T4. Đến khoảng 02 giờ 20 phút cùng ngày, S điều khiển xe bán tải màu trắng chờ C1 gặp xe của N điều khiển chờ H2 cùng 29 phách gỗ kiện từ V Mỹ lên trên tuyến quốc lộ A đoạn gần sân bay P, thị xã H. S chạy trước dẫn đường cho xe bán tải màu đen do N điều khiển chạy sau đến nhà T4 để giao gỗ. Khi đến ngõ vào nhà T4 tại đường N, thành phố H, thấy yên tâm nên S lái xe bán tải màu trắng chờ C1 về trước, còn xe ô tô bán tải màu đen do N điều khiển chờ H2 và 29 phách gỗ kiện vừa vào trong ngõ nhà T4 thì bị lực lượng Công an (Phòng C2 phối hợp với Công an huyện N) kiểm tra phát hiện, tạm giữ phương tiện xe ô tô bán tải màu đen cùng tang vật là 83 phách gỗ kiện (gỗ trên xe ô tô và gỗ để trong xưởng mộc của T4 mà các đối tượng đã vận chuyển về trước đó).

Quá trình điều tra Đ, V1 khai nhận tổng số 49 phách gỗ kiện kiện Phú Quốc bán cho S do V1, Đ trực tiếp khai thác tại khu vực vườn Quốc Gia B từ trước đó.

Ngày 27/02/2024, Cơ quan điều tra **Công an tỉnh T** đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành thực nghiệm điều tra để xác định vị trí **Đ**, Vĩ khai thác, phần gỗ còn lại tiến hành đo đạc, thu mẫu phục vụ công tác giám định. Kết quả xác định hiện trường còn 01 gốc cây gỗ kiên kiên **P** có khối lượng $0,36\text{m}^3$ gỗ tròn có vị trí tọa độ X: 0781928; Y: 1778294 thuộc **Lô A**, khoảnh 1, **Tiểu khu D lâm phận Vườn quốc gia B**, địa phận xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Thừa Thiên Huế**; 01 ngọn cây gỗ kiên kiên **P**, có khối lượng $1,43\text{m}^3$ gỗ tròn có vị trí tọa độ X: 0782004; Y: 1778210 thuộc **Lô A**, khoảnh 1, **Tiểu khu D lâm phận Vườn quốc gia B**, địa phận xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Thừa Thiên Huế**.

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

- Ngày 26/12/2023, Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc **V4** có kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực Lâm nghiệp số 858/CNR-VP kết luận:

Căn cứ kết quả phân tích cấu tạo thô đại và hiển vi của 83 mẫu gỗ giám định do Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an tỉnh T** cung cấp, có ký hiệu riêng từ M01 đến M83, được ghi số đăng ký mẫu giám định của **V5** rừng từ 23396-01 đến 23396-83 (Biên bản mở niêm phong hồ sơ, đối tượng, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật giám định ngày 22/12/2023), kiểm tra so sánh với cơ sở dữ liệu các loài gỗ, mẫu tham chiếu, tài liệu, kết luận: **83 mẫu gỗ giám định nêu trên đồng nhất một chủng loại gỗ**, Tên Việt Nam: **Kiên kiên P**; Tên khoa học: **H5**. Loài Kiên kiên **P** (**H6**) được **xếp nhóm IA** trong “Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; và có trong “*Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ.

Tổng số 83 phách gỗ đã thu giữ qua đo đạc có khối lượng là $2,781\text{m}^3$ gỗ xẻ đối tượng đương $4,450\text{m}^3$ gỗ tròn.

- Ngày 12/3/2024 Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc **V4** có Kết luận số 146/CNR-VP, kết luận cây kiên kiên Phú Quốc do **Trần Đình V1** và **Trần Văn Đ** khai thác có khối lượng phần gốc cây là $0,36\text{m}^3$; khối lượng phần ngọn cây là $1,43\text{m}^3$, tổng khối lượng khai thác là **$4,37\text{m}^3$** gỗ tròn.

- Ngày 22/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** ra Quyết định trưng cầu **Phòng C2** giám định 02 biển số xe ô tô là: 75C-098.86 và 75C-114.72 có đặc điểm giống với đặc điểm 08 biển kiểm soát thu tại **Phòng C3**. Ngày 09/01/2024, **Phòng C2** có kết luận giám định số 798/KL-KTHS kết luận: Đặc điểm các biển kiểm soát 75C-098.86 và 75C-114.72 cần giám định khác với các đặc điểm của các biển kiểm soát thu tại **Phòng C3** dùng làm mẫu so sánh.

*** Vật chứng, tài liệu thu giữ và xử lý vật chứng:** Cơ quan Điều tra đã thu giữ tài sản, đồ vật, tài liệu gồm:

1. 83 phách gỗ kiên kiên **P** được thu giữ trên xe của **Đặng Phương N** và tại nhà, xưởng của **Lê Hữu T4**.

2. 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger màu đen, không gắn biển kiểm soát, số khung RL24DRHMM8TR06745, số máy WLTA125603.

3. 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 75A-024.62, nhãn hiệu Honda Civic, màu trắng, số khung: RLHFD152X8Y801126, số máy: R18A13951127, đã qua sử dụng.

4. 01 máy cưa nhãn hiệu Stihl, màu gạch cam bạc hiệu MS 381 đã qua sử dụng, chưa kiểm tra tình trạng hoạt động.

5. 01 cây rựa có cán gỗ dài 0,25m, lưỡi dài 0,27m, có chiều rộng lớn nhất là 0,04m.

6. 01 cây rựa có cán gỗ dài 0,26m, lưỡi dài 0,24m, có chiều rộng lớn nhất là 0,038m.

7. 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger màu trắng, biển kiểm soát 75C-091.64, số khung MNCUMFF60KW897158, số máy YN2QW897158.

8. 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai biển kiểm soát 75C-101.42, số khung: RLUNFT7KAJN000081, số máy: 04GAJJ235927, đã qua sử dụng.

9. 01 biển khung xe ô tô kích thước 0,2m x 0,3m có số 75C-098.86.

10. 01 biển khung xe ô tô kích thước 0,1m x 0,5m có số 75C-098.86.

11. 02 biển số mang số 75C-114.72 màu vàng.

12. 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, trắng, **Số I:** 352682504853002/01 kèm 01 sim ký hiệu Vinaphone có số 898402000 và 01 sim ký hiệu Mobiphone có số 840122073301 7061.

13. 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL G15 5511, màu đen, có mã ORC 70266676.

14. 02 giấy mượn tiền đã được đánh sẵn nội dung nhưng chưa có chữ viết, chữ ký của ai.

15. 01 quyển vở phía ngoài có dòng chữ “HOATHANH” trong đó có 02 trang đầu tiên có tài liệu ghi DỐI HUÔNG 26/6 và TRIẾT KIỀN.

16. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone 13 Pro Max, màu vàng, số IMEI 1: 359481985853414; số IMEI 2: 359481986110103, đã qua sử dụng.

17. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone 14 Pro Max, màu vàng, số IMEI 1: 352301459698706; số IMEI 2: 352301459765927, đã qua sử dụng.

18. 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 36 007175.

19. 01 giấy chứng nhận kiểm định số DA3933932.

20. 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số: 893413905728/OTOBB.10.

21. 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 359192490302991; số IMEI2: 359192490303007, đã qua sử dụng.

22. 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A22, màu tím, số IMEI 1:358475774496501; số IMEI2: 359111894496506, đã qua sử dụng.

23. Tiền Ngân hàng N1 số tiền 7.000.000 đồng.

24. 01 cặp giấy vở học sinh, loại có kẻ ô ly, có chữ “Hải Tiên”

25. 01 điện thoại có ký hiệu Vivo, chưa xác định được I, bên trong có chứa 01 sim có ký hiệu 8984 0480 0882 8257 642, màu xanh, đã qua sử dụng.

26. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh dương, không kiểm tra định dạng bên trong, đã qua sử dụng lắp 01 thẻ sim có ký hiệu: 8984048000034679161.

27. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu đỏ, có số IMEI 1: 8607490582399, bên trong có lắp 01 sim có ký hiệu M có ghi số: 8401221033113585 và 01 sim có ký hiệu V6 có ghi số: 8984048000337006065, máy điện thoại đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra đã trả lại các vật chứng sau:

01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 75A-024.62, hiệu Honda Civic, màu trắng, số khung: RLHFD152X8Y801126, số máy: R18A13951127, đã qua sử dụng cho ông Trương Hữu P1; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL G15 5511, màu đen, có mã ORC 70266676; 02 giấy mượn tiền đã được đính sẵn nội dung nhưng chưa có chữ viết, chữ ký của ai; 01 quyển vở phía ngoài có dòng chữ “HOATHANH” trong đó có 02 trang đầu tiên có tài liệu ghi DỒI HƯƠNG 26/6 và TRIẾT KIÊN cho Trần Viết Thế S; 01 điện thoại có ký hiệu Vivo, chưa xác định được I, bên trong có chứa 01 sim có ký hiệu 8984 0480 0882 8257 642, màu xanh, đã qua sử dụng cho Trần Văn Đ vì không liên quan đến vụ án.

Những vật chứng còn lại hiện tạm giữ tại kho vật chứng của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế để xử lý theo quy định.

* Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục một phần hậu quả với số tiền như sau:

Trần Văn Đ và Trần Định V1 bán 49 phách gỗ kiền kiền P cho S được số tiền là 43.300.000 đồng, mỗi bị cáo hưởng lợi 21.650.000 đồng; mỗi bị cáo đã nộp lại 3.500.000 đồng.

Trần Viết Thế S bán 83 phách gỗ kiền kiền P cho T4, đã nhận số tiền 53.000.000 đồng; S đã trả cho Đ, V1 tổng cộng 43.300.000 đồng, S đã nộp lại số tiền hưởng lợi 9.700.000 đồng.

* Về các vấn đề khác: Đối với anh Trương Hữu P1 là người cho Trần Viết Thế S mượn xe ô tô nhãn hiệu Civic, biển kiểm soát 75A-024.62; bà Trần Thị H cho S để gỗ tại nhà ở thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế, nhưng những người này không biết việc mua bán và vận chuyển gỗ trái phép của S nên không có căn cứ xử lý.

Từ những nội dung được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố:

- Các bị cáo Trần Viết Thế S, Đặng Phương N, Nguyễn Văn L, Trần Văn Đ, Trần Định V1 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Bị cáo Trần Viết T5 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Đối với bị cáo Trần Viết Thế S:

Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 232; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Viết Thế S 02 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Thời gian chấp hành hình phạt, tính từ ngày bắt tạm giam 29/12/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo S hình phạt tiền 80.000.000 đồng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2.2. Đối với bị cáo Đặng Phương N: Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 232; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Phương N 01 năm 03 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Thời gian chấp hành hình phạt, tính từ ngày bắt tạm giam 29/12/2023.

2.3. Đối với bị cáo Nguyễn Văn L: Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 232; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo L mức hình

phạt 10 tháng 24 ngày tù bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2.4. Đối với bị cáo **Trần Văn Đ**: Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 232; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đ** 02 năm tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.5. Đối với bị cáo **Trần Định V1**: Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 232; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **V1** 02 năm 03 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên xử:

** Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:*

- 83 (tám mươi ba) phách gỗ kiên kiên Phú Quốc được thu giữ trên xe của **Đặng Phương N** và tại nhà, xưởng của **Lê Hữu T4**, cụ thể:

+ Số gỗ thu giữ trên xe do **Đặng Phương N** điều khiển gồm 29 tấm gỗ được đánh số thứ tự từ 01 đến 29.

+ Số gỗ thu giữ tại xưởng kho của **Lê Hữu T4** gồm 34 tấm gỗ được đánh số thứ tự từ 01 đến 34.

+ Số gỗ thu giữ tại nhà của **Lê Hữu T4** gồm 20 tấm gỗ được đánh số thứ tự từ 01 đến 20.

(83 phách gỗ trên có đặc điểm, kích thước, mô tả như tại Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/6/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế)

- Của **Trần Văn Đ**: + 01 máy cưa nhãn hiệu Stihl, màu gạch cam bạc hiệu MS 381 đã qua sử dụng, chưa kiểm tra tình trạng hoạt động;

+ 01 cây rựa có cán gỗ dài 0,25m, lưỡi dài 0,27m, có chiều rộng lớn nhất là 0,04m;

+ 01 cây rựa có cán gỗ dài 0,26m, lưỡi dài 0,24m, có chiều rộng lớn nhất là 0,038m.

- Của **Lê Hữu T4**: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, trắng, **Số I**: 352682504853002/01 kèm 01 sim ký hiệu Vinaphone có số 898402000 và 01 sim ký hiệu Mobiphone có số 840122073301 7061.

- Của **Trần Viết Thế S**: 01 điện thoại di động hiệu Apple iPhone 13 Pro Max, màu vàng, số IMEI 1: 359481985853414; số IMEI 2: 359481986110103, đã qua sử dụng.

- Của **Đỗ Ngọc C1**: + 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số IMEI1: 359192490302991; số IMEI2: 359192490303007, đã qua sử dụng;

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A22, màu tím, số IMEI 1: 358475774496501; số IMEI2: 359111894496506, đã qua sử dụng.

- Của **Trần Đình V1**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh dương, không kiểm tra định dạng bên trong, đã qua sử dụng lắp 01 thẻ sim có ký hiệu: 8984048000034679161.

- Của **Nguyễn Quốc H2**: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu đỏ, có số IMEI 1: 8607490582399, bên trong có lắp 01 sim có ký hiệu **M** có ghi số: 8401221033113585 và 01 sim có ký hiệu **V6** có ghi số: 8984048000337006065, máy điện thoại đã qua sử dụng.

* Trả lại cho chị **Đinh Kiều A**: 01 điện thoại di động hiệu Apple iPhone 14 Pro Max, màu vàng, số IMEI 1: 352301459698706; số IMEI 2: 352301459765927, đã qua sử dụng.

* Hóa giá tịch thu sung ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị của 02 xe ô tô: xe ô tô Ford Ranger màu đen, không gắn biển kiểm soát, số khung RL24DRHMM8TR06745, số máy WLTA125603 và xe ô tô Ford Ranger màu trắng, biển kiểm soát 75C-091.64, số khung MNCUMFF60KW897158, số máy YN2QW897158;

Hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị 02 xe ô tô cho chị **Đinh Kiều A** (kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 36 007175; 01 giấy chứng nhận kiểm định số DA3933932; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số: 893413905728/OTOBB.10).

* Hóa giá tịch thu sung ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị của 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai biển kiểm soát 75C-101.24, số khung: RLUNFT7KAJN000081, số máy: 04GAJJ235927, đã qua sử dụng. Hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô tô này cho chị **Nguyễn Thị Quỳnh G**.

* *Tịch thu tiêu hủy*: 01 biển khung xe ô tô kích thước 0,2mx0,3m có số 75C-098.86; 01 biển khung xe ô tô kích thước 0,1mx0,5m có số 75C-098.86; 02 biển số mang số 75C-114.72 màu vàng.

(Tất cả các tài liệu, chứng cứ trên có đặc điểm mô tả như tại Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/6/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện đang tạm gửi tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

- *Sung ngân sách Nhà nước*: Số tiền 9.700.000 đồng (Theo Ủy nhiệm chi ngày 10/6/2024 tại [Kho bạc Nhà nước tỉnh T](#)) và số tiền 7.000.000 đồng (Theo Ủy nhiệm chi ngày 11/6/2024 tại [Kho bạc Nhà nước tỉnh T](#)).

Các vật chứng, tài liệu khác liên quan đến việc phạm tội tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác trong vụ án, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/10/2024 bị cáo [Trần Đình V2](#) có đơn kháng cáo xin hưởng án treo, ngày 01/11/2024 [Trần Văn Đ](#) có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo, bị cáo [Đặng Phương N](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 68/QĐ-VC2 ngày 14/11/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phần xử lý vật chứng đối với bị cáo [Trần Viết Thế S](#) và [Nguyễn Văn L](#).

Tại phiên tòa, các bị cáo [Trần Đình V2](#) và [Trần Văn Đ](#) giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo [Đặng Phương N](#) rút toàn bộ kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo [V1](#), [Đ](#), đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo [N](#), đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, theo hướng sửa một phần một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phần xử lý vật chứng theo hướng tịch thu sung ngân sách nhà nước các xe oto đã thu giữ của bị cáo [Trần Viết Thế S](#) và [Nguyễn Văn L](#).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kháng cáo của bị cáo; Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là trong thời hạn luật định và đảm bảo quy định tố tụng nên được xem xét theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung kháng nghị, kháng cáo

Đối với kháng cáo của bị cáo [Đặng Phương N](#): bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện và phù hợp với

pháp luật nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo N.

Đối với kháng cáo của các bị cáo **Trần Đình V2** và **Trần Văn Đ**:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 08/12/2023, **Lê Hữu T4** gọi điện cho **Trần Viết Thế S** (nguyên cán bộ **Hạt kiểm lâm huyện N**) để mua gỗ kiền kiền. Từ ngày 08/12/2023 đến 14/12/2023, **S** đã chỉ đạo, bàn bạc thống nhất với **Đỗ Ngọc C1** để mua bán, vận chuyển gỗ không có hồ sơ giấy tờ hợp pháp, tổng cộng 83 phách gỗ, tương đương 4,450m³ gỗ kiền kiền (mua của **Trần Đình V1**, **Trần Văn Đ** 2,580m³ và **Trần Văn L3** 1,870m³) để bán cho **T4** nhằm hưởng lợi. Để thực hiện, **S** nhờ **Đỗ Ngọc C1** thuê **Đặng Phương N**, **Nguyễn Quốc H2**, **Nguyễn Văn L** bốc vác, vận chuyển nhiều lần về bán cho **T4** tại nhà **T4** ở **số I đường N, thành phố H** thì bị phát hiện và tạm giữ. Tại bản Kết luận giám định số 858/CNR-VP ngày 26/12/2023 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc **V4** kết luận: **83 mẫu gỗ giám định nêu trên đồng nhất một chủng loại gỗ**, Tên Việt Nam: **Kiền kiền P**; Tên khoa học: **H5**. Loài Kiền kiền **P (H6)** được **xếp nhóm IA** trong “Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; và có trong “Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ. Tại bản Kết luận giám định số 146/CNR-VP kết luận: 03 mẫu gỗ bị khai thác tại **Lô A, khoảnh 1, tiểu khu D lâm phận Vườn quốc gia B địa phận xã T, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế** đồng nhất một chủng loại gỗ: Tên Việt Nam: **Kiền kiền P**; Tên khoa học: **H5**. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã vi phạm chế độ quản lý thực vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA theo quy định của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, nên đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, **Trần Viết Thế S**, đã thông qua mạng xã hội đặt mua hai biển số giả biển kiểm soát 75C-098.86 và biển kiểm soát 75C-114.72, rồi lắp vào 02 xe ô tô bán tải màu trắng biển kiểm soát 75C-091.64 và xe ô tô bán tải màu đen biển kiểm soát 36C-356.04, sau đó sử dụng vào việc thực hiện hành vi vận chuyển, mua bán lâm sản trái phép, **Đỗ Ngọc C1** biết và cùng thống nhất, thực hiện với **S**.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Trần Việt Thế S**, **Đỗ Ngọc C1** về tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản” quy định điểm k khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự;

- **Đặng Phương N**, **Nguyễn Văn L**, **Lê Hữu T4**, **Nguyễn Quốc H2** về tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản” quy định điểm k khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự;

- **Trần Văn L3** về tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự;

- **Trần Văn Đ**, **Trần Định V1** về tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 232 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

[3.1]. Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác, mua bán, vận chuyển gỗ trái phép là vi phạm pháp luật mà đặc biệt là hệ tài nguyên thực vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm luôn được pháp luật ưu tiên bảo vệ và không ai được xâm phạm. Nhưng chỉ vì hám lợi nên các bị cáo vẫn cố tình phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm, không những gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản của Nhà nước, xâm phạm vào trật tự quản lý Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng mà còn gây ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái môi trường rừng và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có một hình phạt nghiêm minh đối với các bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3.2]. Đây là vụ án có nhiều người cùng cố ý thực hiện một tội phạm nên vụ án có đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự; tuy nhiên các bị cáo nhất thời phạm tội và không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo nên không phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tổ chức”.

Trong vụ án này các bị cáo **Trần Văn Đ** và **Trần Định V1** là những người có hành vi khai thác gỗ trái phép và bán gỗ trái phép cho **S**, **C1**, **Đ**, **V1** bán 49 phách gỗ, tương đương 2,580m³ gỗ). Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò người thực hành tương ứng với khối lượng gỗ phạm tội của mình.

[4]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo **Trần Văn Đ**, **Trần Định V1** thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; quá trình điều tra, các bị cáo đã tích cực khai báo thành khẩn, khai ra các đồng phạm, xác định vị trí khai thác cây, giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính; gia đình có công

với với cách mạng được Nhà nước tặng **H3** huy chương; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi của các bị cáo **Trần Văn Đ**, **Trần Định V1** là rất nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến tài nguyên rừng, vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng mà còn gián tiếp gây ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái môi trường tự nhiên, là nguyên nhân gây ra tình trạng sạt lở, lũ lụt ... ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân. Trong thời gian gần đây, tình trạng phá rừng, khai thác lâm sản trái phép xảy ra ở mức độ báo động, các cấp chính quyền đã sử dụng nhiều biện pháp vận động, tuyên truyền mọi cá nhân, tổ chức chung tay bảo vệ và phát triển rừng nhưng vẫn nạn phá rừng, khai thác lâm sản trái phép vẫn tiếp diễn. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên và xem xét bị cáo có nhân thân tốt, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số có hạn chế về pháp luật cũng như sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, mối quan hệ giữa **Trần Văn Đ**, **Trần Định V1** là anh em ruột nên đã xem xét cho các bị cáo một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của tội này theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và không cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo trình bày là người đồng bào thiểu số (dân tộc Cơ Tu), nhận thức pháp luật còn hạn chế, cư trú tại vùng đặc biệt khó khăn và gia đình khó khăn đồng thời đã nộp khắc phục số tiền bị truy thu, tuy nhiên các tình tiết này đã được cấp sơ thẩm áp dụng và mức hình phạt tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên xét thấy không có cơ sở giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Xét nội dung kháng nghị:

Trong vụ án này bị cáo **S** đã dùng 02 xe oto làm phương tiện vận chuyển gỗ bất hợp pháp gồm 01 xe ô tô Ford Ranger màu đen, không gắn biển kiểm soát, số khung RL24DRHMM8TR06745, số máy WLTA125603 và 01 xe ô tô Ford Ranger màu trắng, biển kiểm soát 75C-091.64, số khung MNCUMFF60KW897158, số máy YN2QW897158.

Bị cáo **L** dùng xe 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai biển kiểm soát 75C-101.24, số khung: RLUNFT7KAJN000081, số máy: 04GAJJ235927, đã qua sử dụng làm phương tiện vận chuyển gỗ bất hợp pháp. Các xe oto này đã bị thu giữ.

Xét thấy các xe oto trên các bị cáo dùng vào việc phạm tội, là vật chứng của vụ án do đó theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự thì cần phải xem xét tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Hóa giá tịch thu sung ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị của 03 xe ô tô, Hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị 03 xe ô tô này và giấy tờ có liên quan cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đúng quy định của pháp luật. Để đảm bảo việc xử lý vật chứng đúng quy định và đảm bảo quyền, nghĩa vụ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xét thấy cần hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phần xử lý vật chứng trên để xét xử lại phần này theo đúng quy định.

Từ những nhận định trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Văn Đ** và **Trần Định V1**, chấp nhận nội dung Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về phần xử lý vật chứng liên quan đến bị cáo **Trần Viết Thế S** và **Nguyễn Văn L**.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo **Trần Văn Đ**, **Trần Định V1** là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo đều có đề nghị xin miễn án phí, nên theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348; điểm a, c khoản 1 Điều 355, 356, 358 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **Đặng Phương N**. Các quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo **Đặng Phương N** có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Văn Đ** và **Trần Định V1**, giữ nguyên quyết định về phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 232; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ** 02 năm tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 232; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Định V1** 02 năm 03

tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 68/QĐ-VC2 ngày 14/11/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phần xử lý vật chứng; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Huế để xét xử lại về phần xử lý vật chứng đối với bị cáo **Trần Viết Thế S** và **Nguyễn Văn L** theo quy định của pháp luật.

Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Đặng Phương N** không phải chịu, các bị cáo **Trần Văn Đ**, **Trần Định V1** được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Huế;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Huế;
- Sở Tư pháp thành phố Huế;
- Trại tạm giam Công an thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Cục THADS thành phố Huế;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Văn Hợp